

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 4 – 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Liên

2. Ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 917/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kiều D**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: **Thôn A, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn B, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **Thôn A, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà **Phạm Thị Kiều D trình bày:**

Tôi và ông **Đoàn Văn P** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2005 tại **UBND xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk**. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, nghi ngờ không còn sự tin tưởng nhau, vợ chồng không có sự quan tâm đến

nhau nữa nên hay sinh ra cãi vã nhau, ông Đoàn Văn P không có sự quan tâm đến gia đình, hay uống rượu say xỉn về kiếm có chửi bới vợ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và kéo dài từ đó cho đến nay. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Đoàn Văn P nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đoàn Văn P.

Về con chung: Tôi và ông Đoàn Văn P có 02 con chung là cháu Đ Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2006 và cháu Đoàn Phạm Tố U, sinh ngày 05/10/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con là cháu Đ Phạm Tuấn A và cháu Đ Phạm Tố U cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn ông Đoàn Văn P trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị Kiều D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2005 tại UBND xã E, TP., tỉnh Đắk Lắk. Về con chung: Tôi và bà Phạm Thị Kiều D có 02 con chung là cháu Đ Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2006 và cháu Đoàn Phạm Tố U, sinh ngày 05/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do công việc của tôi thường xuyên đi làm ăn (làm xây dựng) không có thời gian quan tâm đến vợ con, tôi hay đi nhậu đi chơi dẫn đến khi tôi về nhà thì vợ có nói và 2 vợ chồng nói qua nói lại và cãi vã xúc phạm nhau, thỉnh thoảng tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tôi đi làm xây dựng thì hay được chủ nhà nhờ dẫn thợ đi nhậu (một tháng khoảng hơn 20 ngày) nên thiếu sự quan tâm đến gia đình, đôi lúc do uống rượu say nên tôi có nhắn tin đùa cho vui có nội dung yêu đương với người khác cho vui chưa thực sự không có việc này, tôi nhắn tin thì vợ có biết và nói chuyện nghi ngờ không còn sự tin tưởng tôi dẫn đến sinh ra cãi vã nhau. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay tôi xác định vẫn còn tình cảm với bà Phạm Thị Kiều D, nguyện vọng của tôi là không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Kiều D, tôi xin được đoàn tụ.

Trường hợp bà Phạm Thị Kiều D cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà Phạm Thị Kiều D được ly hôn tôi thì nguyện vọng của tôi như sau:

Về con chung tôi đồng ý để cho bà Phạm Thị Kiều D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con là cháu Đ Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2006 và tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con là cháu Đ Phạm Tố U, sinh ngày 05/10/2012 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thẩm quyền, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 97, từ Điều 171 đến Điều 174, các Điều 177; 203; 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà **Phạm Thị Kiều D.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Kiều D** được ly hôn ông **Đoàn Văn P.**

Về con chung: Giao cho bà **Phạm Thị Kiều D** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đ Phạm Tuấn A**, sinh ngày 26/9/2006 và cháu **Đ Phạm Tố U**, sinh ngày 05/10/2012 cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Phạm Thị Kiều D** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông **Đoàn Văn P**, đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Bị đơn ông **Đoàn Văn P** có địa chỉ tại **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc các đương sự không hòa giải được với nhau, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông **Đoàn Văn P** vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2005 tại **UBND xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk**, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà **Phạm Thị Kiều D** xác định vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, nghi ngờ không còn sự tin tưởng nhau, vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau nữa nên hay sinh ra cãi vã nhau, ông **Đoàn Văn P** không có sự quan tâm đến gia đình, hay uống rượu say xỉn về kiếm có chữ bói vợ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và kéo dài từ đó cho đến nay, đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông **Đoàn Văn P** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đoàn Văn P**.

Ông **Đoàn Văn P** xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do công việc của ông thường xuyên đi làm ăn (làm xây dựng) không có thời gian quan tâm đến vợ con, ông hay đi nhậu đi chơi dẫn đến khi về nhà thì vợ có nói và 2 vợ chồng nói qua nói lại và cãi vã xúc phạm nhau, thỉnh thoảng tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông đi làm xây dựng thì hay được chủ nhà nhờ dẫn thợ đi nhậu (một tháng khoảng hơn 20 ngày) nên thiếu sự quan tâm đến gia đình, đôi lúc do uống rượu say nên ông có nhắn tin đùa cho vui có nội dung yêu đương với người khác cho vui chưa thực sự không có việc này, ông nhắn tin thì vợ có biết và nói chuyện nghi ngờ không còn sự tin tưởng ông dẫn đến sinh ra cãi vã nhau. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà **Phạm Thị Kiều D**, nguyện vọng của ông không đồng ý ly hôn với bà **Phạm Thị Kiều D**, xin được đoàn tụ.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm gần đây vợ chồng bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân hơn một năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thì thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân nhau. Bà **Phạm Thị Kiều D** đã cương quyết xin ly hôn với ông **Đoàn Văn P**, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Phạm Thị Kiều D**, giải quyết cho bà **Phạm Thị Kiều D** được ly hôn với ông **Đoàn Văn P** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà **Phạm Thị Kiều D** và ông **Đoàn Văn P** có 02 con là cháu **Đ** **Phạm Tuấn A**, sinh ngày 26/9/2006 và cháu **Đoàn Phạm Tố U**, sinh ngày 05/10/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của bà **Phạm Thị Kiều D** xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con cho đến tuổi trưởng thành. Nguyện vọng của ông **Đoàn Văn P** để cho bà **Phạm Thị Kiều D** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Đ** **Phạm Tuấn A** và ông

xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ Phạm Tố U cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng của các đương sự, con chung và hiện nay các cháu đang còn nhỏ, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý. Vì vậy việc giao 02 con chung cho bà Phạm Thị Kiều D trực tiếp chăm sóc sẽ tốt cho sự phát triển của cháu và phù hợp với nguyện vọng của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Giao cho bà Phạm Thị Kiều D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ Phạm Tuấn A và cháu Đ Phạm Tố U cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đoàn Văn P tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đ Văn Phòng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đoàn Văn P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều D được ly hôn với ông Đoàn Văn P.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Kiều D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2006 và cháu Đ Phạm Tố U, sinh ngày 05/10/2012 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Đoàn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đoàn Văn P tự giải quyết, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đ Văn Phòng tự giải quyết, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kiều D và ông Đoàn Văn P không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp (Ông Đặng Tiến n thay) theo biên lai số AA/2023/0004226 ngày 31/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CC THADS TP. BMT;
- UBND xã Ea Tu, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk (Giấy chứng nhận kết hôn số 89KH2005 ngày 02/12/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đại Minh